TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 256/2018/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên, ngày 09 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 276/2018/TLST - HNGĐ ngày 23/8/2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Như H; SN: 1983
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H; SN: 1979
Đều trú tại: Đội 15, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Như H và anh Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Như H và anh Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị H được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 11/02/2012 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh H được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Khánh M, sinh ngày 15/9/2006 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản:

2.3.1. Tài sản riêng, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có

2.3.2. Tài sản chung, nợ phải trả: Vợ chồng tự thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận vào trong bản án quyết định của Tòa án theo biên bản thỏa thuận ngày 26/9/2018. Cụ thể:

*. Anh H được sở hữu các tài sản sau:

- 01 nhà xây nằm trên diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 845088 mang tên ông Nguyễn Văn K; địa chỉ: Đội 15, xã T, huyện Điện Biên do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 12/11/1997. Giá trị nhà đất là: 500.000.000đ.

*. Anh H phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ sau:

- Nợ Ngân hàng đầu tư và phát triển tỉnh Điện Biên số tiền: 50.000.000đ

- Nợ anh Nguyễn Văn B; địa chỉ đội 2, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên: 20.000.000đ.

- Nợ anh Nguyễn Đức Tr; địa chỉ đội 19, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên: 20.000.000đ. Tổng các khoản nợ là 90.000.000đ.

- Anh H phải có trách nhiệm thanh toán cho chị H số tiền chênh lệch tài sản là: 205.000.000đ. Phương thức thanh toán: Tiền mặt. Hình thức thanh toán: Một lần vào ngày 10/10/2018.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh H không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền thanh toán cho chị H thì anh H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

*. Chị H được sở hữu các tài sản sau: 205.000.000đ tiền chênh lệch tài sản do anh H thanh toán cho chị H .

2.4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a, Điểm d Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị H và anh H mỗi người phải chịu 75.000 án phí DSST, nhưng chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí DSST là 150.000đ, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002891ngày 23/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ. Chị H đã nộp đủ án phí DSST.

Do chị H và anh H tự thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung trước khi Tòa án tiến hành hòa giải căn cứ Điểm d Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị H và anh H không phải chịu án phí DSST có giá ngạch đối với việc thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ phải trả.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Điện Biên;*
- *Chi cục THA dân sự H. Điện Biên;*
- *VKSND H.Điện Biên;*
- *UBND xã T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN
(đã ký)

Đỗ Thu Hương